PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Sự thiếu thống nhất giữa các quy định và sự không chắc chắn về mô hình lý thuyết áp dụng với quá nhiều điều kiện TNHS của pháp nhân nhưng lại thiếu sự giải thích pháp luật là những hạn chế cơ bản nhất của chế định này trong BLHS năm 2015. Những hạn chế này lại là nguyên nhân dẫn đến các hạn chế trong các điều khoản khác về TNHS của pháp nhân, mà hạn chế rõ ràng nhất là việc cố gắng tách bạch, riêng rẽ giữa TNHS của pháp nhân với TNHS của cá nhân làm cho một số quy định vừa thừa, vừa thiếu, vừa chưa chính xác. Ngoài ra, thực tiễn áp dụng cho thấy, từ khi BLHS năm 2015 có hiệu lực, số lượng các vụ án hình sự về pháp nhân thương mại là rất ít, mới có hai vụ án được đưa ra xét xử. Chính vì vậy, tác giả lựa chọn nghiên cứu đề tài *"Phạm vi và điều kiện trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Luật hình sự Việt Nam"* làm đề tài luận án tiến sỹ.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu là góp phần phát triển lý luận về phạm vi và điều kiện TNHS của pháp nhân; phân tích, đánh giá các quy định pháp luật về phạm vi và điều kiện TNHS của pháp nhân thương mại; từ đó, đưa ra các giải pháp hoàn thiện và bảo đảm áp dụng các quy định pháp luật này. Theo đó, luận án giải quyết những nhiệm vụ sau: làm rõ những vấn đề lý luận về phạm vi và điều kiện TNHS của pháp nhân; phân tích các quy định về phạm vi và điều kiện TNHS của pháp nhân thương mại trong BLHS năm 2015; làm rõ thực tiễn áp dụng pháp luật về chế định này; đề xuất giải pháp hoàn thiện và bảo đảm áp dụng pháp luật về phạm vi và điều kiện TNHS của pháp nhân thương mại.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu những vấn đề lý luận về phạm vi và điều kiện TNHS của pháp nhân, quy định pháp luật hình sự Việt Nam và một số quốc gia và thực tiễn áp dụng pháp luật tại Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu: Luận án tiếp cận và nghiên cứu phạm vi và

điều kiện TNHS của pháp nhân thương mại dưới góc độ luật hình sự.

4. Phương pháp nghiên cứu

Ngoài việc dựa trên nền tảng phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, luận án sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh luật học, phương pháp lịch sử, phân loại,…

5. Những đóng góp khoa học của luận án

Kết quả nghiên cứu của luận án đóng góp cho sự phát triển lý luận chung như: làm rõ các khái niệm về TNHS của pháp nhân, phạm vi và điều kiện TNHS của pháp nhân; quan điểm về bản chất TNHS của pháp nhân; trình bày, phân tích các mô hình lý thuyết về TNHS của pháp nhân; đưa ra các căn cứ xác định phạm vi TNHS của pháp nhân; tổng quan về nội dung của phạm vi TNHS của pháp nhân và điều kiện TNHS của pháp nhân. Trên phương diện pháp luật, những phân tích, đánh giá của luận án về thực trạng các quy định về phạm vi và điều kiện TNHS của pháp nhân thương mại trong BLHS năm 2015 là cơ sở để hoàn thiện pháp luật về chế định này. Những giải pháp mà luận án đưa ra có ý nghĩa thiết thực trong giải quyết những hạn chế, tồn tại trong pháp luật Việt Nam về phạm vi và điều kiện TNHS của pháp nhân thương mại. Luận án sẽ là nguồn tư liệu có ý nghĩa cho cá nhân, cơ quan hữu quan, cho quá trình giảng dạy, nghiên cứu.

6. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, tổng quan tình hình nghiên cứu và kết luận, phần nội dung của luận án được kết cấu thành 03 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về phạm vi và điều kiện trách nhiệm hình sự của pháp nhân

Chương 2: Quy định về phạm vi và điều kiện trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Luật hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện và bảo đảm áp dụng quy định pháp luật về phạm vi và điều kiện trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại

PHẦN TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Tình hình nghiên cứu trong nước và nước ngoài

Các công trình nghiên cứu trong nước và nước ngoài về phạm vi và điều kiện TNHS của pháp nhân được phân thành các nội dung cơ bản sau: (1) Các công trình nghiên cứu lý luận về TNHS của pháp nhân: quan điểm bản chất quy định TNHS của pháp nhân; các mô hình lý thuyết TNHS của pháp nhân; (2) Các công trình nghiên cứu lý luận về phạm vi và điều kiện TNHS của pháp nhân; (3) Các công trình nghiên cứu liên quan đến quy định pháp luật về phạm vi và điều kiện TNHS của pháp nhân; (4) Các công trình nghiên cứu liên quan đến giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về phạm vi và điều kiện TNHS của pháp nhân.

2. Đánh giá tình hình nghiên cứu

2.1. Những vấn đề luận án kế thừa

Luận án kế thừa các công trình nghiên cứu khoa học trước đây: các quan điểm về bản chất quy định TNHS của pháp nhân; một số mô hình lý thuyết TNHS của pháp nhân phổ biến; căn cứ xác định phạm vi TNHS của pháp nhân, phân loại pháp nhân chịu TNHS và cách tiếp cận các tội mà pháp nhân chịu TNHS; nội dung điều kiện TNHS của pháp nhân; phân tích các quy định về TNHS của pháp nhân thương mại trong BLHS năm 2015; giải pháp hoàn thiện các quy định về phạm vi, điều kiện TNHS của pháp nhân thương mại.

2.2. Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu gồm: nhận thức bản chất quy định TNHS của pháp nhân; nội dung cốt lõi của các mô hình lý thuyết TNHS của pháp nhân và cách tiếp cận mới; đưa ra khái niệm TNHS của pháp nhân, phạm vi TNHS của pháp nhân và điều kiện TNHS của pháp nhân; căn cứ xác định phạm vi TNHS của pháp nhân, nội dung phạm vi TNHS của pháp nhân và điều kiện TNHS của pháp nhân; phân tích quy định pháp luật về phạm vi và điều kiện TNHS của

pháp nhân thương mại trong BLHS năm 2015; giải pháp lựa chọn mô hình lý thuyết TNHS của pháp nhân cho Việt Nam và sửa đổi các quy định pháp luật về phạm vi và điều kiện TNHS của pháp nhân thương mại; thực tiễn áp dụng pháp luật và giải pháp bảo đảm áp dụng pháp luật về TNHS của pháp nhân thương mại ở Việt Nam.

3. Câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu

3.1. Câu hỏi nghiên cứu

- Nhận thức về bản chất quy định TNHS của pháp nhân? Các mô hình lý thuyết về TNHS của pháp nhân? Phạm vi TNHS của pháp nhân là gì? Các căn cứ nào để xác định phạm vi TNHS của pháp nhân? Nội dung phạm vi TNHS của pháp nhân gồm những gì? Điều kiện TNHS của pháp nhân là gì? Nội dung điều kiện TNHS của pháp nhân gồm những gì?

- Pháp luật hình sự Việt Nam quy định như thế nào về phạm vi và điều kiện TNHS của pháp nhân thương mại? Những hạn chế, tồn tại nào trong các quy định pháp luật này?

- Thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật hình sự về TNHS của pháp nhân thương mại ở Việt Nam được thể hiện như thế nào? Các định hướng, giải pháp nào để hoàn thiện và bảo đảm áp dụng quy định pháp luật về phạm vi và điều kiện TNHS của pháp nhân thương mại?

3.2. Giả thuyết nghiên cứu

- Việc quy định chế định TNHS của pháp nhân là cần thiết dựa vào cơ sở lý luận là các lý thuyết nền tảng và các mô hình lý thuyết về TNHS của pháp nhân.

- Nhận thức về bản chất quy định TNHS của pháp nhân là chưa thống nhất.

- Các quy định pháp luật về phạm vi và điều kiện TNHS của pháp nhân thương mại ở Việt Nam còn tồn tại nhiều bất cập, hạn chế.

- Kinh nghiệm lập pháp của các quốc gia góp phần giúp Việt Nam hoàn thiện quy định pháp luật về phạm vi và điều kiện TNHS của pháp nhân thương mại.

PHẦN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHẠM VI VÀ ĐIỀU KIỆN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN

1.1. Khái niệm và quan điểm bản chất quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân

1.1.1. Khái niệm trách nhiệm hình sự của pháp nhân

Khái niệm TNHS của pháp nhân được định nghĩa như sau: *"Trách nhiệm hình sự của pháp nhân là những hậu quả pháp lý bất lợi mà pháp nhân phải gánh chịu trước Nhà nước đối với tội phạm xảy ra, khi pháp nhân này thỏa mãn điều kiện trách nhiệm hình sự của pháp nhân được pháp luật hình sự quy định".*

1.1.2. Hai lý thuyết nền tảng và quan điểm bản chất quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân

1.1.2.1. Hai lý thuyết nền tảng về trách nhiệm hình sự của pháp nhân

Lý thuyết đặc tính pháp nhân trừu tượng cho rằng, TNHS của pháp nhân được xem là trách nhiệm phái sinh hay TNHS mở rộng trong mối quan hệ với TNHS của cá nhân về cùng tội phạm do cá nhân thực hiện. Ngược lại, lý thuyết đặc tính pháp nhân hiện hữu cho rằng, pháp nhân là một thực thể pháp lý hiện hữu, sở hữu một ý chí và ý chí này không phải của bất kỳ cá nhân nào. Theo đó, TNHS của pháp nhân không cần quy kết theo các vấn đề của cá nhân và được xây dựng theo cách tiếp cận trực tiếp.

1.1.2.2. Quan điểm bản chất quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân

Trên cơ sở hai lý thuyết nền tảng trên, hiện nay tồn tại hai quan điểm về bản chất quy định TNHS của pháp nhân: *Quan điểm thứ nhất:* Việc quy định TNHS của pháp nhân chỉ có nghĩa bổ sung chủ thể thứ hai có thể chịu TNHS về tội phạm do cá nhân thực hiện. Việc bổ sung này không ảnh hưởng đến các nguyên tắc cơ bản của pháp luật hình sự truyền thống. *Quan điểm thứ hai:* Pháp nhân là chủ thể của tội phạm,

bởi nó có thể trực tiếp chịu TNHS mà không dựa trên mối liên kết nào với TNHS của cá nhân. Việc ghi nhận chế định TNHS của pháp nhân làm thay đổi tư duy có tính truyền thống về tội phạm và hình phạt.

Theo quan điểm chúng tôi, pháp nhân là chủ thể của tội phạm nhưng là chủ thể "đặc biệt" của tội phạm. Đồng thời, việc bổ sung chế định này không ảnh hưởng đến các lý luận hình sự của cá nhân. Các lý luận hình sự hiện tại cần được nghiên cứu, vận dụng linh hoạt; ngoài ra, cần phát triển một số lý luận đặc thù cho TNHS của pháp nhân.

1.2. Các mô hình lý thuyết trách nhiệm hình sự của pháp nhân

1.2.1. Các mô hình lý thuyết nhân cách hóa

1.2.1.1. Mô hình trách nhiệm thay thế

Trên cơ sở mô hình này, hành vi phạm tội và lỗi của nhân viên được tự động quy kết cho pháp nhân và pháp nhân chịu TNHS đối với tội phạm do nhân viên này thực hiện.

1.2.1.2. Mô hình đồng nhất hóa

Mô hình này đồng nhất ý chí điều hành của một nhóm cá nhân điển hình - các cơ quan, người lãnh đạo, quản lý cấp cao của pháp nhân - như ý chí của chính pháp nhân; đây chính là cơ sở pháp lý để quy kết TNHS đối với pháp nhân.

1.2.1.3. Mô hình đồng nhất hóa mở rộng

Mô hình này là biến thể của mô hình đồng nhất hóa. Mô hình này mở rộng các cơ hội quy kết TNHS của pháp nhân theo hai cách thức: (1) Giải thích mở rộng phạm vi người được coi là ý chí điều hành của pháp nhân; (2) Người được coi là ý chí điều hành của pháp nhân đã thất bại trong thực hiện các biện pháp phòng ngừa thích đáng để ngăn chặn tội phạm do các nhân viên cấp dưới thực hiện.

1.2.1.4. Mô hình lý thuyết tập hợp

Các hành vi của các nhân viên kết hợp lại dẫn đến hậu quả thiệt hại và tập hợp các yếu tố ý chí hoặc bất cẩn của họ sẽ cấu thành nên yếu tố ý chí của một tội phạm và pháp nhân sẽ phải chịu TNHS về tội phạm này.

1.2.2. Các mô hình lý thuyết tổ chức pháp nhân hay các mô hình lý thuyết lỗi pháp nhân

1.2.2.1. Mô hình chính sách pháp nhân

Pháp nhân thể hiện một loại ý chí đặc biệt *"chính sách pháp nhân"*. Ý chí của pháp nhân ẩn đằng sau chính sách của nó là phù hợp để quy kết cho pháp nhân hơn là cho bất cứ cá nhân nào.

1.2.2.2. Mô hình văn hóa pháp nhân

Văn hóa pháp nhân tạo thuận lợi, tích cực cho việc thực hiện tội phạm; hoặc văn hóa này đã đưa ra sự ủng hộ tinh thần cho việc thực hiện tội phạm qua việc khuyến khích hoặc chấp nhận hành vi này.

1.2.2.3. Mô hình lỗi phản ứng của pháp nhân

Cách tiếp cận này tập trung không nhiều vào hành vi phạm tội của cá nhân mà tập trung vào hành động phản ứng hoặc không phản ứng của pháp nhân đối với hành vi phạm tội của cá nhân.

1.2.2.4. Mô hình lỗi ngăn chặn của pháp nhân

Mô hình lỗi ngăn chặn quy kết TNHS đối với pháp nhân khi pháp nhân này thất bại trong xây dựng và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp để ngăn chặn việc thực hiện tội phạm.

1.2.3. Nhận xét chung

Về mặt lý luận, có sự rạch ròi giữa các mô hình lý thuyết TNHS của pháp nhân, nhưng thực tế các mô hình này được vận dụng khá linh hoạt, mang tính thực tiễn cao. Các mô hình này là khá đa đạng, nhiều quốc gia không áp dụng đơn lẻ một mô hình mà lựa chọn áp dụng song song; hoặc tồn tại mô hình chính và mô hình phụ; hoặc áp dụng theo thứ tự ưu tiên; hoặc mô hình pha trộn; hoặc mô hình "mở".

1.3. Khái niệm, căn cứ xác định và nội dung phạm vi trách nhiệm hình sự của pháp nhân

1.3.1. Khái niệm phạm vi trách nhiệm hình sự của pháp nhân

Khái niệm phạm vi TNHS của pháp nhân được định nghĩa như sau: *"Phạm vi trách nhiệm hình sự của pháp nhân được hiểu là giới hạn phạm vi pháp nhân chịu trách nhiệm hình sự và giới hạn phạm vi các tội*

mà pháp nhân này có thể chịu trách nhiệm hình sự được quy định bởi pháp luật hình sự".

1.3.2. Căn cứ xác định phạm vi trách nhiệm hình sự của pháp nhân

Bao gồm: tính phổ biến; tính thực tiễn; tính khả thi; tính giáo dục, răn đe; tính mới, thận trọng và tính tuân thủ các thỏa thuận quốc tế.

1.3.3. Nội dung phạm vi pháp nhân có thể chịu trách nhiệm hình sự

Nội dung này được xem xét trên cơ sở ba cách phân loại: tổ chức có tư cách pháp nhân và không có tư cách pháp nhân; tổ chức lợi nhuận và phi lợi nhuận; pháp nhân theo luật công và theo luật tư. Các quốc gia quy định phạm vi các pháp nhân chịu TNHS là khá đa dạng; đều loại trừ TNHS đối với chủ thể là Nhà nước. Về nguyên tắc, các quốc gia loại trừ TNHS đối với các cơ quan nhà nước, các đơn vị của nó, chính quyền địa phương, trừ một số ngoại lệ.

1.3.4. Nội dung phạm vi các tội mà pháp nhân có thể chịu trách nhiệm hình sự

Xác định nội dung này dựa trên ba cách tiếp cận sau: một danh sách tội phạm; tất cả các tội phạm; các nhóm tội. Phạm vi này được các quốc gia quy định khá đa dạng, với phạm vi rộng hẹp khác nhau.

1.4. Khái niệm và nội dung điều kiện trách nhiệm hình sự của pháp nhân

1.4.1. Khái niệm điều kiện trách nhiệm hình sự của pháp nhân

Khái niệm điều kiện TNHS của pháp nhân được định nghĩa như sau: *"Điều kiện trách nhiệm hình sự của pháp nhân là cơ sở pháp lý của trách nhiệm hình sự của pháp nhân và được thể hiện thông qua việc luật hóa mối quan hệ giữa pháp nhân với cá nhân phạm tội và mối quan hệ giữa pháp nhân với tội phạm do cá nhân này thực hiện".*

1.4.2. Nội dung điều kiện trách nhiệm hình sự của pháp nhân

1.4.2.1. Điều kiện về mối quan hệ giữa pháp nhân với cá nhân phạm tội

Điều kiện này xác định hành vi và lỗi của cá nhân nào có thể quy kết TNHS đối với pháp nhân được xác định ở các cấp độ như sau: người được coi là ý chí điều hành của pháp nhân; các quản lý cấp cao của pháp nhân; tất cả nhân viên của pháp nhân. Trong mô hình đồng nhất hóa, không có sự thống nhất hoàn toàn và phạm vi dao động rộng cho những giải thích khác nhau về người đại diện cho ý chí điều hành của pháp nhân. Những người chỉ trích mô hình đồng nhất hóa cho rằng, sự ra đời mô hình này đã dẫn đến những rắc rối, phức tạp; ít nhất là xác định những người có vị trí đồng nhất với pháp nhân.

1.4.2.2. Điều kiện về mối quan hệ giữa pháp nhân với tội phạm do cá nhân thực hiện

Điều kiện này được thể hiện ở các mức độ: hành vi phạm tội của cá nhân được thực hiện trong phạm vi hoạt động của pháp nhân; hành vi phạm tội thực hiện trên cơ sở lợi ích chung; hành vi phạm tội thực hiện vì lợi ích thực sự hoặc lợi ích có khả năng xảy ra cao của pháp nhân; lãnh đạo, quản lý cấp cao thất bại trong thực hiện các biện pháp phòng ngừa thích đáng để ngăn chặn hành vi phạm tội của nhân viên. Thực tế, điều kiện hành vi phạm tội vì lợi ích của pháp nhân được áp dụng phổ biến tại nhiều quốc gia, nhưng cách hiểu và giải thích là khác nhau, thậm chí một số quốc gia không có giải thích dẫn đến nhận thức không thống nhất và vướng mắc trong thực tiễn áp dụng.

1.4.3. Nhận xét chung

Điều kiện TNHS của pháp nhân là phong phú, đa dạng và không thống nhất giữa các quốc gia. Các quốc gia xây dựng dựa trên mô hình nhân cách hóa thì cơ bản đều chỉ ra người mà hành vi và lỗi của họ có thể quy kết TNHS cho pháp nhân. Trong mô hình đồng nhất hóa, cần giải thích pháp luật về phạm vi những người nào có thể đồng nhất với pháp nhân. Điều kiện hành vi phạm tội vì lợi ích của pháp nhân được thể hiện bởi công thức: nhân danh pháp nhân; hoặc vì lợi ích chung của pháp nhân; hoặc vì lợi ích trực tiếp của pháp nhân. Điều kiện này cần được giải thích bởi pháp luật.

Chương 2
QUY ĐỊNH VỀ PHẠM VI VÀ ĐIỀU KIỆN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. Quy định về phạm vi và điều kiện trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Luật hình sự Việt Nam

2.1.1. Cơ sở của trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại

Cơ sở pháp lý của TNHS đối với pháp nhân thương mại là điều kiện TNHS của pháp nhân thương mại tại khoản 1 Điều 75 BLHS năm 2015.

Mô hình lý thuyết TNHS của pháp nhân được áp dụng tại Việt Nam là thuộc nhóm các mô hình lý thuyết nhân cách hóa, nhưng cụ thể là mô hình lý thuyết nào thì không rõ ràng.

2.1.2. Quy định về phạm vi trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại

2.1.2.1. Phạm vi pháp nhân có thể chịu trách nhiệm hình sự

Phạm vi này được BLHS năm 2015 quy định giới hạn chỉ là pháp nhân thương mại. Một số vấn đề được đặt ra: tư cách pháp nhân của quỹ đầu tư; hợp tác xã có phải là pháp nhân thương mại không; công ty TNHH một thành viên và các quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước là pháp nhân thương mại hay pháp nhân phi thương mại.

2.1.2.2. Phạm vi các tội mà pháp nhân thương mại có thể chịu trách nhiệm hình sự

Theo Điều 76 BLHS năm 2015, pháp nhân thương mại chịu TNHS đối với 33 tội thuộc 03 nhóm tội. Việt Nam lựa chọn cách tiếp cận dựa trên các nhóm tội phạm, nhưng có sự kết hợp với cách tiếp cận liệt kê các tội phạm cụ thể. Một thiếu hụt là, pháp nhân thương mại không chịu TNHS đối với tội nhận hối lộ và tội đưa hối lộ.

2.1.3. Quy định về điều kiện trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại

2.1.3.1. Điều kiện về hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại

Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa có bất cứ giải thích nào về điều kiện hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân. Nhiều tác giả cho rằng, điều kiện này dùng để xác định phạm vi các cá nhân mà hành vi và lỗi của họ có thể quy kết TNHS cho pháp nhân. Cách hiểu này đã dẫn đến một số bất cập, thiếu thống nhất, chưa phù hợp với cách hiểu chung của quốc tế.

2.1.3.2. Điều kiện về hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại

Hạn chế cơ bản của điều kiện này là sự thiếu giải thích của pháp luật về thế nào là hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại dẫn đến các nhận thức khác nhau về mặt khoa học pháp lý và tiềm ẩn sự không thống nhất trong quá trình áp dụng.

2.1.3.3. Điều kiện về hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại

Điều kiện thứ ba này có thể được hiểu theo hai cách sau: *Cách hiểu thứ nhất,* hành vi phạm tội được thực hiện bởi tập thể lãnh đạo hay người lãnh đạo, điều hành, người quản lý. *Cách hiểu thứ hai,* hành vi phạm tội được thực hiện bởi thành viên khác của pháp nhân. Một số tác giả cho rằng, yếu tố "có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại" chính là gắn với vai trò của những cá nhân có vị trí, thẩm quyền lãnh đạo, quản lý của pháp nhân. Như vậy, pháp nhân chịu TNHS từ việc quy kết hành vi phạm tội của nhân viên nhưng lỗi quy kết lại là lỗi của những người quản lý cấp cao được xem là đồng nhất với pháp nhân.

Vấn đề đặt ra nữa là, để quy kết TNHS của pháp nhân thương mại thì phải thỏa mãn cả ba điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 75 BLHS

năm 2015 nhưng việc kết hợp ba điều kiện này sẽ dẫn đến những nghịch lý sau: những người chỉ đạo, điều hành thực hiện hành vi phạm tội theo sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của chính mình để thỏa mãn điều kiện thứ ba; hoặc số cộng đơn thuần các mô hình dẫn đến nội dung vừa thừa, vừa thiếu. Vấn đề cuối cùng, điều kiện này có thể được hiểu là đang áp dụng mô hình văn hóa pháp nhân. Nếu chúng ta hiểu theo cách này thì có thể tránh được những nghịch lý nêu trên, nhưng lại dẫn đến sự phức tạp cả về lý luận và thực tiễn áp dụng khi kết hợp mô hình đồng nhất hóa hoặc mô hình trách nhiệm thay thế với mô hình văn hóa pháp nhân.

2.1.3.4. Điều kiện về chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự

Điều kiện về chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS là không cần thiết và có thể bỏ.

2.1.3.5. Nhận xét chung

Việc quy định quá nhiều điều kiện TNHS của pháp nhân thương mại, thậm chí có sự mâu thuẫn giữa các điều kiện; sự thiếu hụt những giải thích pháp luật cũng như quá ít vụ án liên quan đến chế định này dẫn đến các điều kiện này trở nên phức tạp về lý luận và tiềm ẩn nhiều khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng.

2.1.4. Quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Phần các tội phạm

2.1.4.1. Về một số tội có cấu thành tội phạm riêng cho pháp nhân thương mại

Có 07 tội danh thể hiện việc áp dụng CTTP riêng cho pháp nhân thương mại khi các tội danh này quy định hai hành vi khách quan riêng biệt cho cá nhân và pháp nhân.

2.1.4.2. Về hình thức lỗi trong các tội mà pháp nhân thương mại chịu trách nhiệm hình sự

Một số tác giả cho rằng, pháp nhân thương mại chỉ chịu TNHS đối với các tội có lỗi cố ý. Tuy nhiên, pháp nhân thương mại có thể

chịu TNHS đối với các tội có lỗi cố ý và cả lỗi vô ý. Bởi vì, mục đích mang lại lợi ích cho pháp nhân không phải dấu hiệu bắt buộc của mặt chủ quan trong CTTP, trừ khi được luật hình sự quy định.

2.1.5. Đánh giá tính thống nhất giữa quy định về điều kiện trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại với các quy định khác trong Bộ luật hình sự năm 2015

Bộ luật hình sự năm 2015 được xây dựng dường như theo tinh thần "cá nhân có gì thì pháp nhân phải có cái đấy", cố gắng tách biệt TNHS của pháp nhân với TNHS của cá nhân qua việc xây dựng các quy định chuyên biệt cho pháp nhân. Tuy nhiên, điều luật quan trọng nhất tại khoản 1 Điều 75 được xây dựng dựa trên mô hình lý thuyết nhân cách hóa. Theo đó, pháp nhân chịu TNHS trên cơ sở pháp nhân này phải có mối quan hệ nhất định với cá nhân phạm tội; chứ không thể là sự biệt lập, không có mối liên hệ.

2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định về phạm vi và điều kiện trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại

2.2.1. Về kết quả áp dụng các quy định về phạm vi và điều kiện trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại

Cơ bản từ khi BLHS năm 2015 có hiệu lực, số lượng các vụ án hình sự về pháp nhân thương mại là rất ít. Đến thời điểm hiện nay mới có hai vụ án hình sự về TNHS của pháp nhân thương mại được đưa ra xét xử.

2.2.2. Về hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong áp dụng các quy định về phạm vi và điều kiện trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại

Rất ít pháp nhân thương mại bị xem xét xử lý TNHS. Nguyên nhân của hạn chế này đến từ nhận thức; hạn chế của pháp luật thực định; thiếu giải thích pháp luật về các quy định TNHS của pháp nhân; trình độ, kinh nghiệm của cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử; chế định này là vấn đề mới, phức tạp;...

Chương 3
ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ BẢO ĐẢM ÁP DỤNG QUY ĐỊNH VỀ PHẠM VI VÀ ĐIỀU KIỆN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

3.1. Định hướng việc đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về phạm vi và điều kiện trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Luật hình sự Việt Nam

Thứ nhất, việc sửa đổi các quy định về TNHS của pháp nhân phải phù hợp với truyền thống pháp luật hình sự, trình độ nhận thức pháp luật, mức độ phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Thứ hai, đề ra nguyên tắc chỉ kiến nghị những nội dung có liên quan trực tiếp đến phạm vi nghiên cứu của đề tài.

Thứ ba, cần có nhận thức đầy đủ về các lý thuyết nền tảng, các mô hình lý thuyết TNHS của pháp nhân, bản chất quy định TNHS của pháp nhân và kinh nghiệm lập pháp các quốc gia.

Thứ tư, cần rút kinh nghiệm từ BLHS năm 2015 khi chúng ta đã cố gắng theo hướng "cá nhân có gì thì pháp nhân phải có cái đấy", tách biệt chế định TNHS của pháp nhân với TNHS của cá nhân.

Thứ năm, chế định TNHS của pháp nhân được các quốc gia vận dụng khá linh hoạt, mang tính thực tiễn cao; cần có một nhận thức mở và linh hoạt về TNHS của pháp nhân.

Thứ sáu, lựa chọn mô hình lý thuyết TNHS của pháp nhân rõ ràng, chính xác. Không quy định quá nhiều điều kiện TNHS của pháp nhân; tránh trùng lặp, mâu thuẫn; cần phân tách, đơn giản hóa điều kiện này.

Thứ bảy, cần có hướng dẫn, giải thích pháp luật về các quy định TNHS của pháp nhân thương mại.

3.2. Giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về phạm vi và điều kiện trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Luật hình sự Việt Nam

3.2.1. Lựa chọn mô hình lý thuyết trách nhiệm hình sự của pháp nhân cho Việt Nam

Kiến nghị lựa chọn **mô hình đồng nhất hóa mở rộng** để làm nền tảng xây dựng chế định TNHS của pháp nhân thương mại, đặc biệt điều kiện TNHS của pháp nhân. Mô hình này khắc phục được hạn chế của mô hình đồng nhất hóa truyền thống khi nó mở rộng khả năng quy kết TNHS của pháp nhân theo hai cách: *một là,* giải thích mở rộng phạm vi người được xem là ý chí điều hành của pháp nhân; *hai là,* những người này đã thất bại trong thực hiện các biện pháp phòng ngừa thích đáng dẫn đến không ngăn chặn được hành vi phạm tội do nhân viên cấp dưới thực hiện.

3.2.2. Hoàn thiện quy định về phạm vi trách nhiệm hình sự của pháp nhân

3.2.2.1. Hoàn thiện quy định về phạm vi pháp nhân chịu trách nhiệm hình sự

Tán thành việc cho rằng, quỹ đầu tư, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã là pháp nhân thương mại. Kiến nghị sửa đổi khoản 1 Điều 75 và khoản 1 Điều 76 BLDS năm 2015 để có thể khẳng định công ty TNHH một thành viên là pháp nhân thương mại, còn các quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước là pháp nhân phi thương mại.

Bổ sung một điều khoản trong BLHS xác định pháp nhân thương mại trong Bộ luật này được dẫn chiếu từ khoản 1 Điều 75 BLDS; hoặc điều khoản này quy định như nội dung khoản 1 Điều 75 BLDS.

3.2.2.2. Hoàn thiện quy định về phạm vi tội mà pháp nhân thương mại có thể chịu trách nhiệm hình sự

Kiến nghị bỏ Điều 76 BLHS năm 2015 liệt kê các tội mà pháp nhân thương mại chịu TNHS; bởi việc pháp nhân chịu TNHS đối với

tội phạm nào sẽ được xác định cụ thể tại điều luật về tội phạm đó.

Về cách tiếp cận, kiến nghị Việt Nam lựa chọn cách tiếp cận dựa trên một danh sách tội phạm cụ thể. Theo đó, việc lựa chọn, bổ sung sẽ không bị gò bó vào một số nhóm tội và bảo đảm chính xác hơn khi từng tội được lựa chọn sẽ được đánh giá, phân tích độc lập.

Về nội dung, kiến nghị bổ sung tội nhận hối lộ và tội đưa hối lộ dựa trên các căn cứ là tính phổ biến, tính thực tiễn, tính tuân thủ các cam kết quốc tế và tính hội nhập quốc tế.

3.2.3. Hoàn thiện quy định về điều kiện trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại

3.2.3.1. Phương án 1: Mở rộng phạm vi những người lãnh đạo, quản lý có thể kích hoạt TNHS của pháp nhân thương mại

a) Đối với câu hỏi thứ nhất về điều kiện mối quan hệ như thế nào giữa pháp nhân thương mại với cá nhân phạm tội

Mở rộng phạm vi những người lãnh đạo, quản lý mà hành vi và lỗi của họ có thể quy kết TNHS cho pháp nhân theo cách thức linh hoạt và phản ánh đa dạng hệ thống tổ chức của pháp nhân. Thay khái niệm người được coi là ý chí điều hành của pháp nhân bằng khái niệm lãnh đạo, quản lý cấp cao. Theo đó, những người có trách nhiệm trong quản lý một lĩnh vực quan trọng của pháp nhân cũng được coi là người có ý chí điều hành của pháp nhân (phạm vi mở rộng). Lãnh đạo, quản lý cấp cao này được hiểu là những người đại diện của pháp nhân theo luật hoặc theo thực tế hoặc người được ủy quyền đại diện cho pháp nhân.

Ngoài ra, việc giải thích cụm từ “lãnh đạo, quản lý cao cấp” cần lưu ý các vấn đề: lãnh đạo, quản lý cao cấp có bao hàm các cơ quan lãnh đạo, giám sát của pháp nhân không; các cơ quan lãnh đạo, quản lý của pháp nhân có tính chất tập thể như đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, ban giám đốc,.. và có tính chất cá nhân như chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc hoặc giám đốc,

thành viên hợp danh,...; vấn đề người đại diện của pháp nhân theo thực tế; vấn đề người được ủy quyền là đại diện cho pháp nhân;…

b) Đối với câu hỏi thứ hai về điều kiện mối quan hệ như thế nào giữa pháp nhân thương mại với tội phạm do cá nhân thực hiện

Kiến nghị lựa chọn điều kiện mối quan hệ giữa pháp nhân với tội phạm do cá nhân thực hiện là hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích pháp nhân với nội hàm rộng rãi theo các giải thích dưới đây; bởi mô hình lý thuyết đề xuất là mô hình đồng nhất hóa mở rộng nên điều kiện này phải thể hiện mức độ "lỏng lẻo".

Việc giải thích như thế nào là *"hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích pháp nhân thương mại"* cần phải lưu ý các vấn đề: lãnh đạo, quản lý cấp cao của pháp nhân thực hiện hành vi phạm tội nhân danh pháp nhân thì hành vi này có thể hiểu là vì lợi ích của pháp nhân; lợi ích này không chỉ là lợi ích vật chất mà đôi khi gồm cả các lợi ích phi vật chất; lợi ích pháp nhân có được có thể là lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp; lợi ích pháp nhân có thể là lợi ích thực sự hoặc lợi ích có khả năng xảy ra cao *(lợi ích hậu kiến)* nhưng có thể gồm cả lợi ích kỳ vọng, có thể xảy ra *(lợi ích tiền kiến)*; hành vi phạm tội chỉ cần mang lại lợi ích một phần cho pháp nhân, chứ không cần mang lại lợi ích toàn bộ cho pháp nhân; hành vi phạm tội gắn liền với thực hiện mục đích và hoạt động của pháp nhân hoặc gắn với việc bảo vệ các mục đích và hoạt động này.

c) Đề xuất sửa đổi khoản 1 Điều 75 theo Phương án 1

Đề xuất sửa đổi khoản 1 Điều 75 BLHS năm 2015 như sau: *"Pháp nhân thương mại chịu trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm được các lãnh đạo, quản lý cấp cao của pháp nhân này thực hiện vì lợi ích pháp nhân"*.

3.2.3.2. Phương án 2: Mở rộng các trường hợp có thể quy kết TNHS đối với pháp nhân thương mại

Mở rộng theo hướng phạm vi cá nhân kích hoạt TNHS của pháp

nhân chỉ là lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất nhưng việc quy kết TNHS của pháp nhân được mở rộng trong các trường hợp dưới đây.

a) Trường hợp thứ nhất, lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất của pháp nhân thương mại thực hiện hành vi phạm tội

Đối với câu hỏi thứ nhất về điều kiện mối quan hệ như thế nào giữa pháp nhân thương mại với cá nhân phạm tội: Phạm vi lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất là những người có vị trí được coi là ý chí điều hành của pháp nhân hay có vị trí đồng nhất với pháp nhân này; cụ thể đó là những người có thẩm quyền quyết định rộng rãi trong quản lý và điều hành pháp nhân hoặc những người đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng các chính sách của pháp nhân.

Đối với câu hỏi thứ hai về điều kiện mối quan hệ như thế nào giữa pháp nhân thương mại với tội phạm do cá nhân thực hiện: Lựa chọn điều kiện hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích pháp nhân với những lưu ý tương tự Phương án 1.

Đề xuất sửa đổi khoản 1 Điều 75 BLHS năm 2015 liên quan đến trường hợp thứ nhất như sau: *"Pháp nhân thương mại chịu trách nhiệm hình sự trong trường hợp lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất của pháp nhân này thực hiện hành vi phạm tội vì lợi ích pháp nhân"*.

b) Trường hợp thứ hai, lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất đã chỉ đạo hoặc chấp thuận việc nhân viên cấp dưới thực hiện hành vi phạm tội

Đối với câu hỏi thứ nhất về điều kiện mối quan hệ như thế nào giữa pháp nhân thương mại với cá nhân phạm tội: Một tội phạm được thực hiện bởi bất kỳ nhân viên nào có thể kích hoạt TNHS của pháp nhân nếu tội phạm này được thực hiện nhằm thi hành một nghị quyết, chỉ đạo, lệnh hoặc sự đồng thuận từ lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất; hoặc lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất tác động đến nhân viên cấp dưới hoặc tạo thuận lợi cho họ thực hiện tội phạm.

Có thể chia thành hai loại chấp thuận là chấp thuận chủ động và chấp thuận bị động. Chấp thuận chủ động là việc lãnh đạo, quản lý cấp

cao nhất thể hiện rõ ràng, gián tiếp hoặc hàm ý ủy quyền hoặc cho phép hành vi phạm tội của nhân viên cấp dưới hoặc họ nhận biết hành vi phạm tội của nhân viên nhưng họ vẫn chấp nhận hành vi này, đây là chính sách ủng hộ "ngấm ngầm" hành vi phạm tội. Chấp thuận bị động là việc lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất không biết hành vi phạm tội của nhân viên cấp dưới nhưng sau khi biết họ vẫn chấp thuận những lợi ích có được từ hành vi phạm tội này.

Lưu ý, lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất đã chỉ đạo nhân viên cấp dưới thực hiện hành vi phạm tội hoặc chấp thuận hành vi này, theo đó, dấu hiệu lỗi của pháp nhân được quy kết từ lỗi của lãnh đạo, quản lý. Do vậy, một nhân viên thực hiện hành vi phạm tội theo sự chỉ đạo của lãnh đạo, quản lý cao nhất, kể cả trường hợp nhân viên này không biết đó là hành vi phạm tội, họ không có ý chí phạm tội, không có lỗi và không bị truy cứu TNHS thì pháp nhân vẫn chịu TNHS trên cơ sở ý chí phạm tội hay lỗi của lãnh đạo, quản lý cao nhất.

Đối với câu hỏi thứ hai về điều kiện mối quan hệ như thế nào giữa pháp nhân thương mại với tội phạm do cá nhân thực hiện: Lựa chọn điều kiện hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích pháp nhân với những lưu ý tương tự Phương án 1.

Đề xuất sửa đổi khoản 1 Điều 75 BLHS năm 2015 liên quan đến trường hợp thứ hai như sau: *"Pháp nhân thương mại chịu trách nhiệm hình sự trong trường hợp lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất của pháp nhân này, vì lợi ích pháp nhân, đã chỉ đạo hoặc chấp thuận việc nhân viên cấp dưới thực hiện hành vi phạm tội".*

c) Trường hợp thứ ba, lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất đã thất bại trong ngăn chặn hành vi phạm tội được thực hiện bởi nhân viên cấp dưới, gồm thất bại trong giám sát nhân viên này hoặc thất bại trong thực hiện các biện pháp kiểm soát nội bộ thích hợp và các chương trình tuân thủ và đạo đức thích đáng - gọi chung là các biện pháp phòng ngừa thích đáng

Pháp nhân chịu TNHS trong trường hợp rõ ràng nhất là việc lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất của pháp nhân này đã không xây dựng các biện pháp giám sát nhân viên, các các biện pháp kiểm soát nội bộ và các chương trình tuân thủ và đạo đức, hoặc thiếu một trong các biện pháp này là nguyên nhân dẫn đến lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất không ngăn chặn được hành vi phạm tội của nhân viên cấp dưới.

Trường hợp tiếp theo là thất bại một cách không hợp lý, không có cơ sở của lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất trong phát hiện và thực hiện các biện pháp ngăn chặn hành vi phạm tội được thực hiện bởi nhân viên cấp dưới, hoặc lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất đã thể hiện rõ ràng sự không tuân thủ, bỏ qua các tiêu chuẩn phòng ngừa hoặc cẩn trọng hợp lý được yêu cầu dẫn đến thất bại trong ngăn chặn tội phạm.

Trường hợp khó khăn nhất là việc lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất của pháp nhân đã xây dựng các biện pháp phòng ngừa vi phạm và áp dụng các biện pháp này trên thực tế nhưng tội phạm do nhân viên cấp dưới thực hiện vẫn xảy ra. Hai tình huống sau sẽ xảy ra:

- Nếu lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất của pháp nhân được đánh giá là đã xây dựng và thực thi các biện pháp phòng ngừa thích đáng, hiệu quả và có các chế tài nghiêm khắc để ngăn chặn tội phạm, nhưng một nhân viên hoạt động độc lập đã thành công trong việc "vượt qua" hệ thống kiểm soát của pháp nhân để thực hiện tội phạm thì trường hợp này pháp nhân sẽ không chịu TNHS đối với tội phạm xảy ra.

- Ngược lại, lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất của pháp nhân được đánh giá là đã xây dựng, thực thi các biện pháp phòng ngừa thiếu thích đáng hoặc thiếu hiệu quả thì pháp nhân đó sẽ chịu TNHS. Nghĩa là, lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất đã thất bại trong thực hiện các biện pháp phòng ngừa thích đáng để ngăn chặn hành vi phạm tội.

Tiếp theo, câu hỏi quan trọng là những tiêu chí nào để đánh giá lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất đã thất bại trong thực hiện các biện pháp phòng ngừa thích đáng để ngăn chặn hành vi phạm tội? Để trả

lời rõ ràng hơn cho câu hỏi này, các cơ quan tố tụng có thể sử dụng cách thức gián tiếp, nghĩa là dựa vào đánh giá sự hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa. Nếu sau đánh giá cơ quan tố tụng cho rằng các biện pháp phòng ngừa là chưa hiệu quả thì khả năng cao là lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất đã thất bại trong thực hiện các biện pháp phòng ngừa thích đáng để ngăn chặn tội phạm. Các tiêu chí đánh giá tính hiệu quả, theo chúng tôi, có thể tham khảo các tiêu chí đánh giá tính hiệu quả chương trình tuân thủ và ứng xử đạo đức của Hoa Kỳ và các tiêu chí đánh giá hệ thống ngăn ngừa và phát hiện tham nhũng hoặc trục lợi theo Luật Sapin II năm 2016 của Pháp (Luật số 2016-1691 về minh bạch, chống tham nhũng và hiện đại hoá đời sống kinh tế).

Đề xuất sửa đổi khoản 1 Điều 75 BLHS năm 2015 liên quan đến trường hợp thứ ba như sau: *"Lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất thất bại trong thực hiện các biện pháp phòng ngừa thích đáng dẫn đến không ngăn chặn được hành vi phạm tội do nhân viên cấp dưới thực hiện"*.

d) Đề xuất sửa đổi khoản 1 Điều 75 theo Phương án 2

Trên cơ sở ba trường hợp phân tích nêu trên, đề xuất sửa đổi khoản 1 Điều 75 BLHS năm 2015 như sau: *"Pháp nhân thương mại chịu trách nhiệm hình sự trong các trường hợp sau:*

a. Lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất của pháp nhân này thực hiện hành vi phạm tội vì lợi ích pháp nhân;

b. Lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất của pháp nhân này, vì lợi ích pháp nhân, đã chỉ đạo hoặc chấp thuận việc nhân viên cấp dưới thực hiện hành vi phạm tội;

c. Lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất thất bại trong thực hiện các biện pháp phòng ngừa thích đáng dẫn đến không ngăn chặn được hành vi phạm tội do nhân viên cấp dưới thực hiện".

3.2.3.3. Đề xuất phương án ưu tiên

Đề xuất Phương án 2 là phương án ưu tiên. Bởi thực tế, các quốc gia mở rộng khả năng quy kết TNHS đối với pháp nhân theo nhiều

cách thức, đặc biệt hướng đến các pháp nhân có quy mô lớn, cơ cấu tổ chức phức tạp, quản lý phi tập trung và quyền hạn phân tán; nhưng cũng đồng thời xây dựng các điều kiện quy kết TNHS để bảo đảm thúc đẩy, khuyến khích các pháp nhân thực hiện các biện pháp phòng ngừa thích hợp để ngăn ngừa, phát hiện vi phạm và phối hợp với các cơ quan chức năng trong phát hiện, xử lý vi phạm. Hơn nữa, việc lựa chọn Phương án 2, cụ thể là trường hợp thứ ba sẽ tránh được những tranh cãi "chưa có hồi kết" về việc thống nhất phạm vi cá nhân nào có thể kích hoạt TNHS của pháp nhân trong mô hình đồng nhất hóa, cũng không đòi hỏi giải thích pháp luật về nội hàm của điều kiện hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích pháp nhân.

3.2.4. Hoàn thiện quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Phần các tội phạm

- Kiến nghị sửa đổi tại 07 tội danh có CTTP riêng theo mô hình pháp lý CCTP tại 25 điều luật còn lại về các tội mà pháp nhân chịu TNHS. Ví dụ, khoản 4 Điều 225 BLHS năm 2015 được sửa đổi như sau: Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau: a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng.

- Về hình thức lỗi trong các tội phạm mà pháp nhân thương mại chịu TNHS, pháp nhân có thể chịu TNHS về các tội phạm với yếu tố chủ quan gồm cả lỗi cố ý và lỗi vô ý, chứ không chỉ có các tội phạm với yếu tố chủ quan là lỗi cố ý.

3.2.5. Hoàn thiện pháp luật để bảo đảm sự thống nhất giữa quy định về điều kiện trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại với các quy định khác trong Bộ luật hình sự

Để bảo đảm tính thống nhất, đề xuất bỏ khoản 2 Điều 2 về cơ sở của TNHS đối với pháp nhân thương mại; bỏ khoản 2 Điều 3 về các nguyên tắc xử lý đối với pháp nhân thương mại; bỏ cụm từ "pháp nhân thương mại" trong khái niệm tội phạm tại khoản 1 Điều 8; bỏ

khoản 2 Điều 9 về phân loại tội phạm của pháp nhân thương mại; bỏ Điều 76 về phạm vi các tội pháp nhân chịu TNHS.

3.3. Giải pháp bảo đảm áp dụng các quy định về phạm vi và điều kiện trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại

Các giải pháp bảo đảm áp dụng các quy định về phạm vi và điều kiện TNHS của pháp nhân thương mại gồm: nâng cao nhận thức đối với hoạt động áp dụng các quy định về TNHS của pháp nhân thương mại; ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng các quy định về TNHS của pháp nhân thương mại; tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và công tác phối hợp liên ngành đối với hoạt động áp dụng chế định TNHS của pháp nhân; đối với các vụ án về TNHS của pháp nhân thương mại cần bố trí các Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán có chuyên môn, kinh nghiệm và có bản lĩnh nghề nghiệp; nâng cao trình độ, nhận thức về đấu tranh chống tội phạm liên quan đến pháp nhân thương mại; xây dựng kế hoạch tuyển lựa, đào tạo, đào tạo lại, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ chuyên sâu; tăng cường hợp tác quốc tế và học hỏi kinh nghiệm các nước trong phòng, chống các tội phạm liên quan đến pháp nhân thương mại.

KẾT LUẬN

Để góp phần hoàn thiện các quy định về phạm vi và điều kiện TNHS của pháp nhân thương mại, luận án tập trung vào những nội dung sau:

1. Về lý luận: phân tích, làm rõ khái niệm, bản chất quy định TNHS của pháp nhân; các mô hình lý thuyết TNHS của pháp nhân; đưa ra khái niệm phạm vi TNHS của pháp nhân, các căn cứ xác định và nội dung phạm vi TNHS của pháp nhân; đưa ra khái niệm điều kiện TNHS của pháp nhân và phân tích điều kiện này.

2. Về thực trạng pháp luật: phân tích cơ sở của TNHS đối với pháp nhân thương mại; phạm vi TNHS của pháp nhân thương mại; phân tích điều kiện TNHS của pháp nhân thương mại, chỉ ra hạn chế, mâu thuẫn và chồng chéo, thiếu giải thích pháp luật; phân tích sự thiếu thống nhất giữa các quy định TNHS của pháp nhân thương mại;...

3. Về giải pháp hoàn thiện pháp luật: đưa ra định hướng hoàn thiện; lựa chọn mô hình lý thuyết đồng nhất hóa mở rộng; xác định quỹ đầu tư, hợp tác xã, công ty TNHH một thành viên là pháp nhân thương mại, các quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước là pháp nhân phi thương mại; bổ sung tội nhận hối lộ, tội đưa hối lộ; sửa đổi khoản 1 Điều 75 theo hai phương án: (1) mở rộng phạm vi những người lãnh đạo, quản lý có thể kích hoạt TNHS của pháp nhân; (2) mở rộng các trường hợp có thể quy kết TNHS của pháp nhân; bỏ khoản 2 Điều 2; bỏ khoản 2 Điều 3; bỏ cụm từ "pháp nhân thương mại" trong khái niệm tội phạm tại khoản 1 Điều 8; bỏ khoản 2 Điều 9.

4. Luận án chỉ ra hạn chế trong thực tiễn áp dụng và đưa ra giải pháp bảo đảm áp dụng quy định pháp luật về TNHS của pháp nhân thương mại.

Trên cơ sở trình bày, phân tích những vấn đề lý luận, các quy định pháp luật về TNHS của pháp nhân thương mại cũng như thực tiễn áp dụng, luận án đã đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện và bảo đảm áp dụng quy định pháp luật về phạm vi và điều kiện TNHS của pháp nhân thương mại trong Luật hình sự Việt Nam.